

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06/9/2021
V/v tranh chấp: “*Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thu Hiền;
2. Ông Bùi Văn Khiếu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:* Bà Bàn Thị Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 67/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1989;
 2. *Bị đơn:* Anh **Trịnh Thanh Đ**, sinh năm 1986;
- Cùng địa chỉ: Tổ C, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.
(Chị T, anh Đ đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, chị Trần Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trịnh Thanh Đ trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 22/9/2011. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, anh Đ là người có nhược điểm trong sinh hoạt là hay uống rượu vào là chửi bới, đánh đập chị nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nhiều lần nhưng vì thương con nên gần tết 2021 chị quay lại, tuy nhiên anh Đ vẫn không thay đổi cách sống nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên từ sau tết nguyên đán năm 2021 chị và anh Đ đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Mặc dù đã được Tòa án hòa giải, kéo dài thời gian giải quyết vụ án để vợ chồng có thời gian

suy nghĩ lại mà quay về đoàn tụ, nhưng chị nhận thấy không còn lòng tin và tình yêu với anh Đ nữa, chị đã bỏ đi khỏi địa phương hơn 6 tháng nay và không còn liên lạc gì với anh Đ nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết xin được ly hôn anh Trịnh Thanh Đ.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung, con thứ nhất tên là Trịnh Đức C sinh ngày 17/11/2012, con thứ hai tên là Trịnh Ngọc L sinh ngày 05/8/2014, hai con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Sau khi ly thân với anh Đ thì hai con vẫn do anh Đ chăm sóc; chị đi làm công nhân nay đây mai đó không có nhà riêng, nơi ở ổn định, không có điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc con chung. Khi ly hôn nguyện vọng của chị là sẽ giao hai con chung cho anh Trịnh Thanh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung:

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

+ Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Trịnh Thanh Đ trong quá trình tố tụng trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời điểm kết hôn đúng như chị T trình bày; Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, thỉnh thoảng có phát sinh những mâu thuẫn nhỏ vướng mắc về kinh tế, mỗi lần cãi nhau là chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thị xã P, tỉnh Thái Nguyên, chị T bỏ đi 2, 3 lần, lần bỏ đi lâu nhất khoảng 5 tháng; gần tết năm 2021 anh nhắn tin cho chị T về ăn tết với các con chị T mới về. Nay chị T xin ly hôn anh không nhất trí vì anh vẫn còn tình cảm với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung, con thứ nhất tên Trịnh Đức C sinh ngày 17/11/2012, con thứ hai tên là Trịnh Ngọc L sinh ngày 05/8/2014, các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nếu phải ly hôn nguyện vọng của anh là sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đúng như chị T trình bày.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn và nuôi con chung sau ly hôn.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo luật định.

- Về nội dung: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T về việc xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn; Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trần Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giải quyết vụ việc xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Chị Trần Thị T và anh Trịnh Thanh Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Chị Trần Thị T và anh Trịnh Thanh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 22/9/2011. Đây là hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân của chị T và anh Đ là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng những năm đầu hòa thuận, hạnh phúc, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nhiều lần nhưng vì thương con nên gần tết nguyên đán 2021 chị quay lại đoàn tụ, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên từ sau tết nguyên đán năm 2021 chị và anh Đ đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn liên lạc, quan tâm đến nhau nữa.

Chị T làm đơn xin ly hôn anh Đ vì thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc do không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm thấu hiểu nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều lần để cùng nhìn nhận lại và cho nhau cơ hội đoàn tụ nhưng không thành; từ sau tết nguyên đán năm 2021 chị T đã bỏ đi khỏi địa phương hơn 6 tháng nay và không còn liên lạc gì với anh Đ nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập phiên hòa giải lần 02 với mong muốn để vợ chồng chị T, anh Đ đoàn tụ nhưng chị T có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử cho chị được ly hôn với anh Đ. Mặt khác, mặc dù đã được Tòa án hòa giải, gia hạn thời gian giải quyết vụ án để vợ chồng có thời gian suy nghĩ lại mà quay về đoàn tụ vì anh Đ không muốn ly hôn, nhưng anh Đ cũng không có biện pháp gì để khắc phục, cải thiện quan hệ vợ

chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Đ đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T.

[3]. Về con chung: Vợ chồng chị T và anh Đ có 02 con chung tên là Trịnh Đức C sinh ngày 17/11/2012 và Trịnh Ngọc L sinh ngày 05/8/2014, hai con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Từ khi ly thân đến nay, hai con chung vẫn do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh Đ có nguyện vọng được tiếp tục nuôi hai con chung và chị T cũng đề nghị giao hai con chung cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Xét thấy, hai con chung còn nhỏ, đang sống ổn định với anh Đ, hai cháu phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần; mặt khác, hiện nay thu nhập của anh Đ là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng)/tháng, cũng đủ điều kiện nuôi con chung và phù hợp với nguyện vọng của hai con chung là muốn được ở với anh Đ. Do đó cần tiếp tục giao hai con chung cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[4]. Về yêu cầu cấp dưỡng: Anh Đ không yêu cầu nên không xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Trịnh Thanh Đ. Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trịnh Thanh Đ.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên là Trịnh Đức C sinh ngày 17/11/2012 và Trịnh Ngọc L sinh ngày 05/8/2014, hai con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường cho anh Trịnh Thanh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi hai con chung đủ 18 tuổi (phù hợp với nguyện vọng của hai con chung).

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000292 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn. Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Trần Thị T và anh Trịnh Thanh Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tp. Bắc Kạn (02b);
- Chi cục THADS tp. Bắc Kạn (01b, khi Án có hiệu lực);
- Các đương sự (01b);
- UBND phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (01b);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Tạ Văn Tư